TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN PHONG** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 38/2022/DS-ST Ngày 28/9/2022 *V/v: Kiện đòi tài sản.*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tạ Hữu Hiển.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Giảng Trường và bà Nguyễn Thị Hà.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trí Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2022/TLST – DS ngày 18/7/2022 về Tranh chấp kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 về việc Kiện đòi tài sản giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2000, (Có mặt);

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977, (Vắng mặt);

Trú tại: Thôn L, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1973; (Chồng bà L)

Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1998; (Con trai bà L)

Cùng trú tại: Thôn L, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Ông H, anh N đã uỷ quyền cho bà L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị có kết hôn với anh Nguyễn Đình N vào tháng 02/2021, đến tháng 05/2022 thì chị và anh N ly hôn. Sau khi kết hôn với anh N, trong thời gian chung sống, chị có về gia đình anh N ở với anh N và mẹ anh N là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977, trú tại: Thôn L, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Hàng tháng, chị

có đưa cho bà L 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) với mục đích là lo công việc gia đình và cùng sinh hoạt tại nhà chồng, trong thời gian sống chung thì chị có đưa tiền cho bà L trong 10 tháng liền tổng là 40.000.000đ. Ngoài ra, ngày 27/12/2021, chị có đưa cho bà L 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền được công ty thưởng khi đi làm và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để trả cho cô Y anh N vay.

Tổng số tiền chị đã đưa cho bà L là 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng); do là mẹ con trong nhà nên chị không ghi lại thành giấy tờ, nay chị đã ly hôn với anh N, chị đề nghị Toà án buộc bà L phải trả cho chị số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng). Về lãi suất, chị không yêu cầu về lãi.

Về phía bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1998; trú tại: Thôn L, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Tháng 02/2021, anh N có kết hôn với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 2000 là người cùng thôn. Sau khi kết hôn, chị H và anh N có về chung sống với bà tại nhà bà ở địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau đó đến tháng 05/2022 thì anh N và chị H ly hôn.

Số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) chị H trình bày đưa cho bà L, bà không được nhận, không có giấy tờ, căn cứ gì chứng minh chị H đưa cho bà số tiền trên. Bà L đề nghị Toà án bác yêu cầu của chị H do chị H đòi tiền bà không có căn cứ.

Ngoài ra, khi tổ chức cưới cho anh N và chị H, bà có cho chị tiền, vàng; khi chị H về làm dâu đi khám chữa bệnh, bà và chồng bà cũng nhiều lần cho tiền, đỡ đần anh chị nhưng bà không tính toán, không có yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đại diện cho những người liên quan trong vụ án là anh Nguyễn Đình N và ông Nguyễn Đình H trình bày:

Anh N và ông H đều xác nhận việc chị H và anh N có kết hôn từ 02/2021, đến tháng 05/2022 thì chị H và anh N ly hôn, việc ly hôn của anh chị đã được giải quyết tại Toà án theo quy định pháp luật. Việc chị H cho rằng có đưa cho bà L số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng), nay chị đề nghị Toà án buộc bà L phải trả cho chị số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) là không có căn cứ, anh Nguyễn Đình N và ông Nguyễn Đình H đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu của chị H.

Đối với bà Nguyễn Thị Y như chị H trình bày tại đơn khởi kiện, sau khi xác minh thì bà Y có tên tuổi địa chỉ cụ thể như sau: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1963, trú tại: Thôn L, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình làm việc tại Toà án, bà Y có trình bày việc chị H cho rằng "ngày 27/12/2021, chị H có trả cho bà Y số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng)" là không đúng, chưa từng có việc chị H đưa cho bà Y số tiền này để trả bà, chị H không vay mượn gì bà Y, bà cũng không

vay mượn gì chị H nên không có việc như chị H trình bày. Do bà không liên quan gì đến vụ án nên bà từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Toà án không triệu tập bà tại các buổi làm việc, xét xử.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyễn toàn bộ quan điểm và không trình bày ý kiến gì thêm như tại đơn khởi kiện, những lời trình bày tại Toà án; bị đơn không đồng ý với yêu cầu như nguyên đơn trình bày; đề nghị Toà án xem xét bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, 72 Điều 91, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Áp dụng các điều 166, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Bác yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị L.

- Buộc chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại Thôn L, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh giải quyết việc tranh chấp kiện đòi tài sản với bà L. Do vậy vụ án tranh chấp kiện đòi tài sản giữa chị Nguyễn Thị H với bà Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, quy định tại: khoản 3, Điều 26, Điều 35, Đều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự..

Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy HĐXX áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, chị H cho rằng: Sau khi kết hôn với anh N, trong thời gian chung sống, chị có về gia đình anh N ở với anh N và mẹ anh N là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977, trú tại: Thôn L, xã T, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Hàng tháng, chị có đưa cho bà L 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) với mục đích là lo công việc gia đình cùng nhà chồng, đến trước thời điểm ly hôn, chị có đưa tiền cho bà L trong 10 tháng liền. Ngoài ra, ngày 27/12/2021, chị có đưa cho bà L 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiền được công ty thưởng khi đi làm và 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để trả cho cô Y anh N vay. Tuy nhiên, chị không cung cấp được các chứng cứ, tài liệu để chứng minh cho lời trình bày của chị, Toà án cũng đã tổ chức hòa giải, đối chất, bị đơn là bà Nguyễn Thị L và những người liên quan, người làm chứng đều không đồng ý với lời trình bày của chị H, không có căn cứ xác nhận rằng chị H đã đưa số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng) cho bà L trong quá trình về làm dâu nhà bà. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

[3] Về án phí: Vì yêu cầu của chị Nguyễn Thị H không được chấp nhận, do vậy chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 70, 72 Điều 91, 147, 227, 228, 235, 239, 254, 262, 264, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 166, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị L phải trả cho chị H số tiền 47.000.000đ (Bốn mươi bảy triệu đồng).

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 2.350.000đ (Hai triệu, ba trăm lăm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 1.175.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004400 ngày 13/7/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Yên Phong. Chị H còn phải nộp 1.175.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyệnYên Phong;
- THADS huyện Yên Phong;
- Người tham gia tố tụng**;**
- Lưu Vp, hồ sơ.

Tạ Hữu Hiển